TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thanh Nhàn;

ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị Ngọc Th, sinh năm 1996; nơi cư trú: số nhà 167, tổ 6, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ;

- *Bị đơn:* Anh Phùng Ngọc Tr, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Thái Thị Ngọc Th trình bày: chị Th và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2020, vợ chồng có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã N cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày đăng ký 14/5/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng không còn phù hợp tính tình, thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm được. Hiện vợ chồng đã ly thân, chị Th đang nuôi con nhỏ tại quận T, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, chị Th yêu cầu ly hôn với anh Tr; vợ chồng có 01 đứa con chung chưa thành niên, họ và tên Phùng Ngọc Anh Th1, sinh ngày 10/11/2022 theo giấy khai sinh số 1152 ngày đăng ký 14/11/2022 do Ủy ban nhân dân xã N cấp bản sao; khi ly hôn, chị Th yêu cầu

trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con; Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa, ý kiến của chị Th: giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con do từ khi chị Th sinh đứa con được 02 tháng thì anh Tr tự ý bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tới nay, với lý do anh Tr cho rằng không có tiền mua sữa nuôi con và có yêu cầu chị Th ly hôn; chị Th phải một mình nuôi con tại nhà cha mẹ của chị Th tại quận T, thành phố Cần Thơ. Bên cạnh đó, trước khi chị Th mang thai, vợ chồng ở trọ sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, anh Tr có hành vi đập phá tài sản sau cuộc cãi vả vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Th đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Tr từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng do anh Tr không chăm sóc gia đình từ đầu năm 2022. Chị Th yêu cầu ly hôn nhưng anh Tr không có ý kiến, không tạo điều kiện hàn gắn vợ chồng. Chị Th ly hôn là có căn cứ; Về con chung Phùng Ngọc Anh Th1 đang được chị Th chăm sóc do con đang dưới 36 tháng tuổi, anh Tr không có ý kiến việc chị Th yêu cầu nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu của chị Th về ly hôn với anh Tr; về con chung, giao con cho chị Th được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét; về tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Th có đơn khởi kiện đối với anh Tr về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh Tr có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Tr được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, chị Th cho rằng "sau khi chị Th sinh được đứa con khoảng 02 tháng tuổi thì anh Tr cho rằng không có tiền nuôi con, rồi tự bỏ đi từ đó đến nay. Bên cạnh đó, việc vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu xảy ra khi vợ chồng sống chung với nhau tại nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh trước khi chị Th trở về quê nhà sinh nở". Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2023, Ban nhân dân ấp N xác định "anh Tr thường xuyên đi vắng tại địa phương".

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th, xem như anh Tr từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi, tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn, động viên vợ chồng hàn gắn nhưng chị Th vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn, không chịu hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh Tr.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Th yêu cầu ly hôn với anh Tr là có căn cứ, do anh Tr tự bỏ đi, không dành thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, vợ chồng đã bỏ mặc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Th việc ly hôn đối với anh Tr.

[5] Khi ly hôn, chị Th có yêu cầu trực tiếp nuôi con, họ và tên: Phùng Ngọc Anh Th1, sinh ngày 10/11/2022 do con dưới 36 tháng tuổi và đang được chị Th chăm sóc, dưỡng nuôi. Mặt khác, chị Th có yêu cầu nuôi con nhưng anh Tr cũng không có ý kiến. Như vậy, cần duy trì việc chị Th trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Th, giao con Phùng Ngọc Anh Th1, sinh ngày 10/11/2022 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị Th không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên chị Th phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Tr trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, cũng như không có nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị Th phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Thái Thị Ngọc Th đối với bị đơn Anh Phùng Ngọc Tr về ly hôn, nuôi con.

1. Chị Thái Thị Ngọc Th được ly hôn với Anh Phùng Ngọc Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày đăng ký 14/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã N cấp cho chị Th và anh Tr không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Phùng Ngọc Anh Th1, sinh ngày 10/11/2022 cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Thái Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013423 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Chị Th có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh Tr vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tâm Nhân